TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/DS-PT
Ngày: 20-9-2018
V/v tranh chấp yêu cầu mở lối dẫn nước, tiêu nước trong canh tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung
Ông Trần Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 về "*Tranh chấp yêu cầu mở lối dẫn nước, tiêu nước trong canh tác*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 25-5-2018 của Toà án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 383/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị E, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*:

1. Anh Trần Minh T, sinh năm 1966 (có mặt)
2. Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (vắng mặt)
2. NLQ2 (vắng mặt)
3. NLQ3 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của NLQ1, NLQ2, NLQ3: Bà Bùi Thị E, sinh năm 1950; địa chỉ M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh "Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2016" (có mặt).

4. NLQ4 (vắng mặt)

5. NLQ5 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của NLQ4, NLQ5: Anh Trần Minh T, sinh năm 1966; địa chỉ ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh "Theo văn bản ủy quyền ngày 03/5/2018" (có mặt).

6. NLQ6 (vắng mặt)

7. NLQ7 (vắng mặt)

8. NLQ8 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

9. NLQ9 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Q, phường E, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

10. NLQ10 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

11. NLQ11 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

12. NLQ12 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

13. NLQ13 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

14. NLQ14 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

15. NLQ15 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh.

16. NLQ16 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp O, xã V, huyện D, tỉnh Cà Mau.

17. NLQ17 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp O, xã V, huyện D, tỉnh Cà Mau.

18. NLQ18 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, khóm Y, phường I, thành phố G, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Minh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/5/ 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị E trình bày: Gia đình bà có hai thửa đất, đó là: Thửa số 102, diện tích 10.732m^2 và thửa

số 107, diện tích 2.895m^2, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh. Vị trí đất của bà tiếp giáp với diện tích đất của bà Trần Thị T1 chuyển nhượng cho vợ chồng anh T. Trước đây, khi còn sử dụng đất, bà T1 cho gia đình bà một lối thoát nước đi ngang qua phần đất của bà T1. Sau khi, bà T1 chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh T thì bà vẫn tiếp tục sử dụng lối thoát nước đó; đến thời gian sau này, vợ chồng anh T đắp lối thoát nước lại, không cho bà sử dụng nên vào mùa mưa diện tích đất của bà bị ngập úng, hoa màu bị chết. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T cho bà mở một lối dẫn nước đi ngang qua phần đất 10.000m^2 của vợ chồng anh T chiều ngang 01 mét, chiều dài 40 mét. Bà tự nguyện thanh toán giá trị đất cho vợ chồng anh T số tiền bằng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và tự nguyện chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng.

Theo bị đơn anh Trần Minh T trình bày: Năm 2004, vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng đất của bà Trần Thị T1 diện tích 10.000m^2, nằm trong tổng diện tích 29.655m^2, thửa số 103, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp M, xã N, thị xã L, tỉnh Trà Vinh. Việc chuyển nhượng mới làm giấy tay, chưa làm thủ tục tách thửa, sang tên, vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 đang thế chấp tại Ngân hàng. Nay, anh chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà E, vì lối dẫn nước có một đoạn giáp ranh với đất của NLQ7 và một đoạn giáp ranh với đất của NLQ6, nhưng bà E không yêu cầu NLQ7 và NLQ6 mở lối thoát nước. Mặt khác, phần đất của bà E, bà E đã đào ao sâu hết ranh đất, nên khi nước trong ao của bà E bị cạn, thì sẽ gây sạc lở đến phần diện tích đất của anh chị.

Theo NLQ7 trình bày: Ông đồng ý nhường một phần đất của ông chiều ngang 0,5 mét để cho bà E đặt ống thoát nước, nhưng phải đảm bảo độ sâu 01 mét, nếu sau này đường ống có bể thì bà E phải có nghĩa vụ sửa chữa.

Theo NLQ6 trình bày: Ông chỉ cho bà E đặt ống thoát nước với điều kiện bà E phải đắp bờ bao xung quanh ao, nếu không thì sẽ gây sạc lở đến phần đất của ông.

Theo NLQ8 trình bày: Thửa đất số 102 là của bà E cho anh mượn nên anh thống nhất theo ý kiến của bà E.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17, NLQ18 không có khiếu nại về việc bà T1 chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh T; đồng thời, không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa bà E với vợ chồng anh T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 25-5-2018 của Tòa án nhân dân thị xã L đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 200 và Điều 228 Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 245, 252, 253 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Minh T, chị Nguyễn Ngọc T để cho bà một lối dẫn nước để tiêu nước trong canh tác.

2. Buộc anh Trần Minh T, chị Nguyễn Ngọc T, NLQ4 và NLQ5 phải để cho bà Bùi Thị E một lối thoát nước để tiêu nước trong canh tác, cụ thể như sau:

Đoạn thứ nhất có chiều ngang 01 mét, dài 23,4 mét và 22,7 mét, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 106, dài 23,4 mét (cạnh 23,4 mét gọi tắt là cạnh số (1)).

- Hướng Tây giáp thửa số 103, dài 22,7 mét (cạnh 22,7 mét gọi tắt là cạnh số (2); cạnh số (2) song song và cách cạnh số (1) là 01 mét).

- Hướng Nam giáp thửa số 103, có chiều ngang 01 mét (gọi tắt là "Điểm đầu vào", là khoảng cách giữa cạnh số (1) và cạnh số (2) ở hướng giáp cái ao thửa số 107 của bà E).

- Hướng Bắc giáp thửa số 103, có chiều ngang là 01 mét (nếu tính vuông gốc giữa cạnh (1) và cạnh (2)). Còn tính theo đường xéo tại điểm cuối của cạnh (1) nối với điểm cuối của cạnh (2) bằng 1,10 mét (tại vị trí đường xéo này gọi tắt là "Điểm co").

Đoạn thứ hai có chiều ngang 01 mét; chiều dài 16,6 mét:

- Hướng Bắc giáp thửa số 87, dài 16,6 mét (cạnh 16,6 mét gọi tắt là cạnh số (3)).

- Hướng Nam giáp thửa số 103, dài 16,6 mét (cạnh 16,6 mét gọi tắt là cạnh số (4); cạnh số (4) song song và cách cạnh số 3 là 01 mét).

- Hướng Đông giáp "Điểm co" có số đo 1,10m.

- Hướng Tây giáp thửa số 102, ngang 01 mét (là khoảng cách giữa cạnh số (3) và cạnh số (4) (gọi tắt là "Điểm đầu ra").

Trong phạm vi diện tích đất của đoạn 1 và đoạn 2 nói trên, cho bà Bùi Thị E được sử dụng phương tiện cơ giới hoặc thủ công đào đất xuống độ sâu tối đa không quá 01 mét (Một mét) và đặt ống nhựa có đường kính 0,2 mét, đấu nối lại với nhau và cân chỉnh sao cho mực nước tại "Điểm đầu vào" bằng hoặc cao hơn mực nước tại "Điểm đầu ra". Tại "Điểm đầu vào" cho bà Bùi Thị E gắn ống nhựa có co để tiếp xúc với nước tại ao chứa thuộc thửa số 107 của bà E. Khi đã lắp đặt, cân chỉnh xong thì bên bà E phải có nghĩa vụ san lắp đất lại trong phạm vi đã đào, nếu chưa đảm bảo mặt bằng như hiện trạng ban đầu thì bà E phải có nghĩa vụ cung cấp đất, cát để sang lắp bằng như hiện trạng ban đầu.

Yêu cầu ông NLQ6, NLQ7 phải tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình bà Bùi Thị E và cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc đào, lắp đặt ống dẫn nước theo nội dung quyết định của bản án này.

3. Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị E bồi thường giá trị đất cho anh Trần Minh T và chị Nguyễn Ngọc T số tiền bằng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá tài sản, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, anh Trần Minh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, sau khi anh T, chị T nhận chuyển nhượng đất của bà T1, thì anh T, chị T vẫn cho bà E sử dụng lối thoát nước như bà E sử dụng trước đó. Nay, anh T, chị T đắp lại lối thoát nước, không cho bà E sử dụng là không phù hợp với quy định tại Điều 235 của Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Tranh chấp yêu cầu mở lối dẫn nước, tiêu nước trong canh tác", là không đúng với quy định tại Điều 252 quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề và Điều 253 quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy, khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ vào Điều 252 và Điều 253 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhưng cần rút kinh nghiệm khi xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung: Anh Trần Minh T kháng cáo không đồng ý cho bà Bùi Thị E mở một lối thoát nước qua diện tích đất của anh T; tại phiên tòa, anh T có đặt vấn đề với bà E, vì sao bà E không khởi kiện yêu cầu NLQ7 mở lối thoát nước, chỉ khi nào bà E yêu cầu NLQ7 cùng mở lối thoát nước, thì anh T mới đồng ý cho bà E mở lối thoát nước qua diện tích đất của anh T. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp M ngày 20/01/2016, chị T (Vợ anh T) trình bày "Trước đây gia đình tôi cho bà E đào một đường nhỏ để lấy nước nhưng trong quá trình canh tác bà E lấn ra không hỏi tôi nên tôi không cho sử dụng" (BL 03); tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã N ngày 24/5/2016, chị T (Vợ anh T) trình bày "Khoản 11 năm nay gia đình tôi, gia đình chú Chín Z (Trần Văn Z) và bà Bùi Thị E (Dì 3 E) xổ nước mưa qua đất tôi. Trong thời gian này gia đình ba bên rất hiểu nhau, thân mật, đoàn kết trong sản xuất. Sau đó chú Chín Z không còn xổ nước đường này nữa. Còn dì E cư xử với gia đình tôi thiếu đi tình nghĩa, trong lúc đặt ống xổ nước qua đất tôi bị sạc lỡ, không bồi đắp nên tôi đắp lại đường nước không cho dì E xổ nước nữa" (BL 09). Tại phiên tòa, anh T cũng khẳng định trước đây, bà E có sử dụng lối thoát nước từ diện tích đất của bà E thuộc thửa số 102 qua diện tích đất của anh T xuống diện tích đất ao của bà E thuộc thửa số 107, nhưng do bà E cư xử thiếu tình cảm với vợ chồng anh T nên anh T đắp lại đường nước. Qua ý kiến của chị T (Vợ anh T) tại cuộc hòa giải của Ban nhân dân ấp M và Ủy ban nhân dân xã N; ý kiến của anh T tại phiên tòa, cho thấy vợ chồng anh T, chị T là người trực tiếp đắp đường nước, nên bà E khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị T để cho bà E một lối thoát nước, là đúng đối tượng.

Mặt khác, anh T thừa nhận sau khi vợ chồng anh T, chị T đắp lối thoát nước lại thì gia đình bà E không còn lối thoát nước nào khác để phục vụ tưới, tiêu. Theo Điều 253 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó; nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường". Do đó, anh T kháng cáo không đồng ý cho bà E mở một lối thoát nước đi ngang qua diện tích đất của anh T, là không đúng với quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị E; buộc anh Trần Minh T và chị Nguyễn Ngọc T cùng các thành viên gia đình có nghĩa vụ để cho bà E một lối thoát nước để phục vụ việc tưới nước, tiêu nước trong canh tác, là có căn cứ.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ.

[6] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm". Do đó, buộc anh Trần Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 245, Điều 252, Điều 253, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Minh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 25-5-2018 của Tòa án nhân dân thị xã L.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị E về việc yêu cầu anh Trần Minh T, chị Nguyễn Ngọc T để cho bà E một lối thoát nước để tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

2. Buộc anh Trần Minh T, chị Nguyễn Ngọc T, NLQ4, NLQ5 phải để cho bà Bùi Thị E một lối thoát nước để tưới nước, tiêu nước trong canh tác, cụ thể như sau:

Đoạn thứ nhất: Chiều ngang 01 mét, chiều dài 23,4 mét và 22,7 mét. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 106, có chiều dài 23,4 mét (Cạnh 23,4 mét gọi tắt là cạnh số (1)).

- Hướng Tây giáp thửa số 103, có chiều dài 22,7 mét (Cạnh 22,7 mét gọi tắt là cạnh số (2); cạnh số (2) song song và cách cạnh số (1) là 01 mét).

- Hướng Nam giáp thửa số 103, có chiều ngang 01 mét (Gọi tắt là "Điểm đầu vào", là khoảng cách giữa cạnh số (1) và cạnh số (2) ở hướng giáp cái ao thửa số 107 của bà E).

- Hướng Bắc giáp thửa số 103, có chiều ngang là 01 mét (Nếu tính vuông gốc giữa cạnh (1) và cạnh (2)). Còn tính theo đường xéo tại điểm cuối của cạnh (1) nối với điểm cuối của cạnh (2) là 1,10 mét (Tại vị trí đường xéo này gọi tắt là "Điểm co").

Đoạn thứ hai: Chiều ngang 01 mét, chiều dài 16,6 mét. Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp thửa số 87, có chiều dài 16,6 mét (Cạnh 16,6 mét gọi tắt là cạnh số (3)).

- Hướng Nam giáp thửa số 103, có chiều dài 16,6 mét (Cạnh 16,6 mét gọi tắt là cạnh số (4); cạnh số (4) song song và cách cạnh số 3 là 01 mét).

- Hướng Đông giáp "Điểm co", có số đo là 1,10 mét.

- Hướng Tây giáp thửa số 102, có chiều ngang 01 mét (Là khoảng cách giữa cạnh số (3) và cạnh số (4) (gọi tắt là "Điểm đầu ra").

(Có sơ đồ kèm theo)

Trong phạm vi diện tích đất của đoạn 1 và đoạn 2 nói trên, cho bà Bùi Thị E được sử dụng phương tiện cơ giới hoặc thủ công đào đất xuống độ sâu tối đa không quá 01 mét (một mét) và đặt ống nhựa có đường kính 0,2 mét, đấu nối lại với nhau và cân chỉnh sao cho mực nước tại "Điểm đầu vào" bằng hoặc cao hơn mực nước tại "Điểm đầu ra". Tại "Điểm đầu vào" cho bà Bùi Thị E gắn ống nhựa có co để tiếp xúc với nước tại ao chứa thuộc thửa số 107 của bà E. Khi đã lắp đặt, cân chỉnh xong thì bà E phải có nghĩa vụ san lắp đất lại trong phạm vi đã đào, nếu chưa đảm bảo mặt bằng như hiện trạng ban đầu thì bà E phải có nghĩa vụ cung cấp đất, cát để sang lắp bằng như hiện trạng ban đầu.

3. Yêu cầu NLQ7, NLQ6 phải tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình bà Bùi Thị E và cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc đào, lắp đặt ống dẫn nước theo nội dung quyết định của bản án này.

4. Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị E đền bù cho anh Trần Minh T, chị Nguyễn Ngọc T số tiền bằng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị E chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), bà E đã nộp xong.

6. Về án phí: Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị E chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà E đã nộp bằng 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004735 ngày 28/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn thừa cho bà Bùi Thị E bằng 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0013272 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Buộc anh Trần Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh T đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017523 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê